

THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHÓ BIẾN
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

TÓM TẮT

Số:18

Ngày 11/5/2020

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

1. Từ 15/6, không được sử dụng đất quốc phòng, an ninh để xây dựng sân gôn.
2. 07 trường hợp được miễn phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.
3. Vận động nam, nữ thanh niên không kết hôn muộn, không sinh con muộn, mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con.
4. Quy định các mức hao phí tối đa trực tiếp trong sản xuất chương trình phát thanh.
5. Giảm 50% nhiều loại phí, lệ phí trong lĩnh vực xây dựng đến hết 2020.
6. Quy định về công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong Công an nhân dân.
7. Hà Nội thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 trong tình hình mới.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Thông tư quy định mức thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Sao tài liệu bí mật nhà nước gồm những hình thức nào?
2. Việc giao tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được thực hiện như thế nào?
3. Việc nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được thực hiện như thế nào?
4. Mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ được quy định như thế nào?

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. TỪ 15/6, KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC PHÒNG, AN NINH ĐỂ XÂY DỰNG SÂN GÔN

Ngày 27/4/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định 52/2020/NĐ-CP về việc đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn. Nghị định, có hiệu lực từ ngày 15/6, quy định các loại đất không được sử dụng để xây dựng sân gôn và công trình phụ trợ phục vụ cho hoạt động kinh doanh sân gôn gồm: đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, đất rừng, đất trồng lúa; đất thuộc các khu vực có yếu tố gốc cấu thành di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, di tích thuộc danh mục kiểm kê của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đất xây dựng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghệ cao; đất thuộc phạm vi bảo vệ đê điều và hành lang bảo vệ bờ biển.

Dự án sân gôn ở vùng trung du, miền núi được sử dụng tối đa không quá 5 ha đất trồng lúa một vụ, phân tán tại địa điểm xây dựng và phải đáp ứng điều kiện về bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, điều kiện thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Dự án sân gôn sử dụng đất rừng sản xuất không phải là rừng tự nhiên phải đáp ứng điều kiện cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng và trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về lâm nghiệp.

Diện tích sân gôn tiêu chuẩn (18 lỗ) không quá 90 ha (bình quân không quá 05 ha trên một lỗ gôn);

diện tích Dự án sân gôn xây dựng lần đầu không được quá 270 ha (54 lỗ gôn). Ngoài ra, nhà đầu tư phải hoàn thành xây dựng sân gôn trong thời hạn không quá 36 tháng (đối với sân gôn 18 lỗ) hoặc không quá 48 tháng (đối với sân gôn khác) kể từ ngày được quyết định cho thuê đất.

Chính phủ cấm các hành vi lợi dụng kinh doanh sân gôn để tổ chức hoạt động cá cược, đánh bạc, gá bạc trái phép. Các loại đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất xây dựng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghệ cao; đất thuộc phạm vi bảo vệ đê điều và hành lang bảo vệ bờ biển;... không được sử dụng để xây dựng sân gôn.

2. 07 TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC MIỄN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

Ngày 05/5/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định 53/2020/NĐ-CP về việc quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Cụ thể, mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 1 m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp cần áp dụng mức phí cao hơn, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định mức phí cao hơn đối với từng đối tượng chịu phí.

Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm dưới 20 m³/ngày (24 giờ) áp dụng phí cố định tính theo khối lượng nước thải (không áp dụng mức phí biến đổi) như sau: áp dụng

mức phí 1,5 triệu đồng cho năm 2020, kể từ ngày 01/01/2021 trở đi, áp dụng theo Biểu sau: Lưu lượng nước thải bình quân từ 10 - 20 m³/ngày có mức phí là 04 triệu đồng/năm; Từ 5 – 10 m³/ngày có mức phí 03 triệu đồng/năm; Dưới 5 m³/ngày có mức phí 2,5 triệu đồng/năm.

07 trường hợp sau được miễn phí bảo vệ môi trường đối với nước thải: nước xả ra từ các nhà máy thủy điện; nước biển dùng vào sản xuất muối xả ra; nước thải sinh hoạt của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ở các xã; nước thải từ nước mưa tự nhiên chảy tràn; nước thải từ các phương tiện đánh bắt thủy sản của ngư dân; nước thải của các hệ thống xử lý nước thải tập trung khu đô thị đã xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường theo quy định trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 01/7/2020, làm hết hiệu lực Nghị định 154/2016/NĐ-CP về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

3. VẬN ĐỘNG NAM, NỮ THANH NIÊN KHÔNG KẾT HÔN MUỘN, KHÔNG SINH CON MUỘN, MỖI CẶP VỢ CHỒNG SINH ĐỦ 2 CON

Ngày 28/4/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 588/QĐ-TTg về việc phê duyệt "Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030". Trong quyết định, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng với mục tiêu đến năm 2030: tăng 10% tổng tỷ suất sinh ở các tỉnh, thành phố có mức sinh thấp; giảm 10% tổng tỷ suất sinh ở

các tỉnh, thành phố có mức sinh cao. Duy trì kết quả những tỉnh, thành phố đã đạt mức sinh thay thế.

Để đạt được mục tiêu trên, Thủ tướng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ sau: quán triệt sâu sắc việc chuyển hướng công tác dân số, tập trung vào việc giảm sinh sang duy trì mức thay thế; đẩy mạnh tuyên truyền, đổi mới nội dung chương trình, phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản, thí điểm triển khai mở rộng chương trình giáo dục bắt buộc trước khi kết hôn; cụ thể hóa các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phù hợp với đặc điểm mức sinh của các địa phương...

Đối với địa phương đã đạt mức sinh thay thế và có mức sinh thấp, nội dung tuyên truyền, vận động tập trung vào lợi ích của việc sinh đủ hai con; các yếu tố bất lợi của việc kết hôn, sinh con quá muộn; sinh ít con đối với phát triển kinh tế - xã hội; đối với gia đình và chăm sóc bố, mẹ khi về già. Tập trung vận động nam, nữ thanh niên không kết hôn muộn, không sinh con muộn, mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con và nuôi dạy con tốt.

Thí điểm triển khai mở rộng thực hiện chương trình giáo dục bắt buộc trước khi kết hôn đối với thanh niên nam, nữ chuẩn bị kết hôn. Chương trình phải bảo đảm cung cấp cho nam, nữ thanh niên các kiến thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản liên quan trực tiếp đến cuộc sống vợ chồng; chăm sóc, nuôi dạy con, quản lý kinh tế gia đình; củng cố giá trị mỗi gia đình nên có hai con, nuôi dạy con tốt và xây dựng gia đình bình đẳng, ấm no, tiến bộ, hạnh

phúc. Bãi bỏ các quy định của các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cộng đồng liên quan đến mục tiêu giảm sinh, tiêu chí giảm sinh con thứ 3 trở lên. Sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ, khuyến khích các cặp vợ chồng sinh đủ hai con trên cơ sở phân tích, đánh giá tác động của các chính sách

về lao động, việc làm, nhà ở; phúc lợi xã hội; giáo dục; y tế,... đến việc sinh ít con; xây dựng, triển khai các mô hình can thiệp thích hợp...

Quyết định có hiệu lực từ ngày 28/4/2020.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

4. QUY ĐỊNH CÁC MỨC HAO PHÍ TỐI ĐA TRỰC TIẾP TRONG SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH

Ngày 24/4/2020, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ra Thông tư 09/2020/TT-BTTTT về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh. Theo đó, Thông tư này quy định các mức hao phí tối đa trực tiếp trong sản xuất chương trình phát thanh, bao gồm: Hao phí về nhân công (chưa bao gồm hao phí về di chuyển ngoài phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mà cơ quan sản xuất chương trình phát thanh đóng trụ sở); Hao phí về máy móc thiết bị; Hao phí về vật liệu sử dụng trong sản xuất chương trình phát thanh, đảm bảo chương trình đủ điều kiện phát sóng hoặc đăng tải lên mạng Internet theo quy định của pháp luật về báo chí.

Cụ thể, trường hợp sản xuất chương trình phát thanh được biên tập toàn bộ từ tác phẩm thơ, ca nhạc đã thu thanh thì mỗi bài thơ, ca nhạc biên tập thể hiện trong chương trình được tính định mức hao phí bằng tỷ lệ % định mức của chương trình thu tác phẩm mới thời lượng 5 phút (thu

thơ, thu nhạc, mã hiệu: 13.20.20.00.00). Tỷ lệ % cụ thể do cơ quan báo nói quyết định phù hợp với từng chương trình nhưng không vượt quá 17% tổng định mức các hao phí thành phần (nhân công, máy sử dụng) của chương trình thu thơ, thu nhạc.

Đối với các chương trình có thời lượng sản xuất thực tế (không bao gồm thời lượng quảng cáo, nếu có) có sai số tăng, giảm không quá 3% (nhưng không quá 30 giây đối với chương trình có thời lượng từ 10 phút trở lên) so với thời lượng chương trình của định mức thì được áp dụng theo định mức cụ thể do cơ quan có thẩm quyền đã quy định. Thông tư có hiệu lực từ 08/6/2020.

5. GIẢM 50% NHIỀU LOẠI PHÍ, LỆ PHÍ TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG ĐẾN HẾT 2020

Đây là nội dung trọng tâm tại Thông tư 34/2020/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 05/5/2020 quy định mức thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực xây dựng.

Theo thông tư, từ 05/5 đến 31/12/2020, giảm 50% mức thu đối với nhiều loại phí, lệ phí trong lĩnh vực xây dựng so với quy định tại Thông tư 172/2016, Thông tư 209/2016 và Thông tư 210/2016 của

Bộ Tài chính. Lệ phí cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu cho tổ chức: 500.000 đồng/chứng chỉ (mức trước điều chỉnh là 1.000.000 đồng/chứng chỉ); lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu cho cá nhân: 150.000 đồng/chứng chỉ (mức trước điều chỉnh là 300.000 đồng/chứng chỉ).

Kể từ ngày 01/01/2021 trở đi, mức thu các loại phí, lệ phí nêu trên được áp dụng theo quy định hiện hành tại Thông tư 172/2016, Thông tư 209/2016 và Thông tư 210/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 05/05/2020 đến hết ngày 31/12/2020.

6. QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Ngày 17/4/2020, Bộ Công an ban hành Thông tư 38/2020/TT-BCA quy định về công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong Công an nhân dân.

Theo thông tư này, việc sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được thực hiện như sau: sau khi được người có thẩm quyền cho phép, người được giao nhiệm vụ tiến hành việc sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; bản sao tài liệu bí mật nhà nước đóng dấu “bản sao số” ở trang đầu và dấu “bản sao bí mật nhà nước” ở trang cuối của tài liệu sau khi sao, trong đó phải thể hiện số thứ tự bản sao, hình thức sao y bản chính hoặc sao lục, thời gian, số lượng, nơi nhận, thẩm quyền cho phép sao và con dấu của cơ quan, tổ chức; bản trích sao tài liệu bí mật nhà nước phải thực hiện theo mẫu “trích sao”, trong đó thể hiện đầy đủ nội dung trích sao, thời gian, số

lượng, nơi nhận, thẩm quyền cho phép sao và con dấu của cơ quan, tổ chức; bản chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải có “văn bản ghi nhận việc chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước”, trong đó phải thể hiện tên, loại tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, độ mật, thời gian, số lượng, nơi nhận, người thực hiện chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, thẩm quyền cho phép chụp và con dấu của cơ quan, tổ chức (nếu có); việc sao, chụp phải ghi nhận vào “Sổ quản lý sao, chụp bí mật nhà nước” để quản lý và theo dõi.

Việc tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước chỉ được thực hiện trong trường hợp sau đây: khi không cần thiết phải lưu giữ và việc tiêu hủy không gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc; nếu không tiêu hủy ngay sẽ gây nguy hại cho lợi ích quốc gia, dân tộc. Việc tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải đáp ứng các yêu cầu sau đây: không để bị lộ, bị mất bí mật nhà nước; quá trình tiêu hủy phải tác động làm thay đổi hình dạng, tính năng, tác dụng của tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước và loại bỏ hoàn toàn thông tin bí mật nhà nước; tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước sau khi tiêu hủy không thể phục hồi hình dạng, tính năng, tác dụng, nội dung.

Thông tư 38/2020/TT-BCA có hiệu lực ngày 01/7/2020 và thay thế Thông tư 59/2010/TT-BCA-A81 ngày 14/12/2010.

7. HÀ NỘI THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Ngày 28/4/2020 Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đã ban hành Chỉ

thị số 07/CT-UBND về thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 trong tình hình mới. Theo đó nhằm thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch, đồng thời khởi động lại và tiếp tục phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội yêu cầu:

Người dân thường xuyên rửa tay bằng xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn; đeo khẩu trang khi ra ngoài; giữ khoảng cách an toàn khi tiếp xúc; không tập trung đông người tại nơi công cộng, ngoài phạm vi công sở, trường học, bệnh viện. Tiếp tục dừng các hoạt động lễ hội, nghi lễ tôn giáo, giải đấu thể thao, sự kiện có tập trung đông người tại nơi công cộng, sân vận động và các sự kiện lớn chưa cần thiết. Thực hiện việc hiểu, hỷ văn minh, hạn chế tối đa tập trung đông người và thực hiện các biện pháp phòng chống dịch, tránh lây lan dịch bệnh. Tiếp tục tạm đình chỉ hoạt động các cơ sở kinh doanh dịch vụ không thiết yếu; khu vui chơi, giải trí, cơ sở làm đẹp (trừ hiệu cắt tóc), karaoke, mát-xa, quán bar, vũ trường, trò chơi điện tử, internet, nhà hát, rạp chiếu phim.

Các cơ sở kinh doanh dịch vụ được hoạt động trở lại nhưng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn phòng, chống dịch như: trang bị phòng hộ cho nhân viên, đo thân nhiệt khách đến; bố trí đầy đủ phương tiện, vật tư để rửa tay, sát

khuẩn tại cơ sở và bảo đảm giãn cách khi tiếp xúc. Đối với hoạt động kinh doanh ăn uống, cà phê giải khát - là nơi có nguy cơ lây nhiễm trực tiếp cần thực hiện giãn cách tối thiểu 02m giữa người với người hoặc giữ khoảng cách tối thiểu 01 m và có tấm chắn giữa các vị trí ngồi, không sử dụng đồ chung, khuyến khích bán hàng mang về nhà. Giảm, giãn số học sinh trong phòng học, bố trí lịch giờ học, ăn trưa, sinh hoạt tập thể bảo đảm không tập trung đông người; thực hiện khử trùng, vệ sinh lớp học; kết hợp học trực tuyến, thực hiện các biện pháp phòng bệnh cho học sinh. Phương án cụ thể theo hướng dẫn của ngành Giáo dục và Đào tạo và ngành Y tế.

Đối với huyện Mê Linh và Thường Tín tiếp tục thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Công văn số 2601/VPCP-KGVX ngày 03/4/2020 của Văn phòng Chính phủ, Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố. Các phương tiện vận tải được phép qua lại trên các tuyến đường liên tỉnh, quốc lộ thuộc địa bàn có nguy cơ cao trên địa bàn Thành phố, nhưng phải đảm bảo yêu cầu về phòng, chống dịch theo quy định và không dừng, đỗ, đón trả khách.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành từ ngày 28/4/2020.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

THÔNG TƯ QUY ĐỊNH MỨC THU, NỘP PHÍ, LỆ PHÍ TRONG LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG

Thực hiện Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19, Bộ Giao thông vận tải đã có công văn số 3488/BGTVT-TC ngày 13/4/2020 rà soát, đề xuất giảm phí, lệ phí để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19. Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Thông tư quy định về phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không. Trong đó, dự kiến giảm nhiều loại phí với mức giảm cao nhất lên đến 10 triệu đồng/lần cấp.

Theo đó, ban soạn thảo đề xuất giảm mức phí thẩm định cấp chứng chỉ, giấy phép, giấy chứng nhận trong hoạt động hàng không dân dụng; cấp giấy phép ra vào khu vực hạn chế cảng hàng không, sân bay. Cụ thể, phí thẩm định cấp giấy

phép, giấy chứng nhận chứng chỉ; cơ sở thiết kế, chế tạo, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay... cấp lần đầu sẽ giảm từ 20 triệu xuống còn 16 triệu đồng/lần cấp; cấp lại do thay đổi nội dung giảm từ 15 triệu đồng/lần cấp xuống còn 12 triệu đồng/lần cấp; cấp lại cho mất, rách... giảm từ 2,4 triệu đồng/lần cấp xuống còn 1.920.000 đồng/lần cấp. Phí thẩm định cấp giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay cũng dự kiến giảm. Mức hiện hành là từ khoảng 5 – 30 triệu đồng/lần cấp; sẽ được giảm còn khoảng từ 4 – 24 triệu đồng/lần cấp (mức giảm từ 1 - 6 triệu đồng/lần cấp). Phí thẩm định cấp giấy phép cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không quốc tế được đề xuất giảm 10 triệu đồng, từ mức 50 triệu đồng/lần cấp xuống còn 40 triệu đồng/lần cấp (đối với cấp lần đầu). Trường hợp cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không khác, mức phí cấp lần đầu từ 30 triệu đồng/lần cấp giảm xuống còn 24 triệu đồng/lần cấp... Dự kiến các chi phí nêu trên sẽ giảm đến hết 31/12/2020, sau đó mức phí sẽ trở lại theo quy định hiện hành.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Sao tài liệu bí mật nhà nước gồm những hình thức nào?

Trả lời: Theo Điều 3, Nghị định số 26/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 28/02/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, có quy định sao tài

liệu bí mật nhà nước là việc chép lại hoặc tạo ra bản khác theo đúng nội dung bản gốc hoặc bản chính của tài liệu. Chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước là việc ghi lại bằng hình ảnh tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước. Hình thức sao tài liệu bí mật

nhà nước gồm sao y bản chính, sao lục và trích sao.

2. Hỏi: *Việc giao tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được thực hiện như thế nào?*

Trả lời: Theo Khoản 1, Điều 4, Nghị định số 26/2020 được Chính phủ ban hành ngày 28/02/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước có quy định việc giao tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được thực hiện như sau:

- Trước khi giao tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải đăng ký vào “Sổ đăng ký bí mật nhà nước đi”. Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ “Tuyệt mật” chỉ ghi trích yếu khi người có thẩm quyền xác định bí mật nhà nước đồng ý;

- Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải làm bì hoặc đóng gói riêng. Giấy làm bì phải dùng loại giấy dai, bền, khó thấm nước, không nhìn thấu qua được; hồ dán phải dính, khó bóc; Trường hợp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước thuộc độ “Tuyệt mật” phải được bảo vệ bằng hai lớp phong bì: Bì trong ghi số, ký hiệu của tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, tên người nhận, đóng dấu “Tuyệt mật” và được niêm phong bằng dấu của cơ quan, tổ chức ở ngoài bì; trường hợp gửi đích danh người có trách nhiệm giải quyết thì đóng dấu “Chỉ người có tên mới được bóc bì”. Bì ngoài ghi như gửi tài liệu thường và đóng dấu ký hiệu

chữ “A”; Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ “Tối mật” và “Mật” được bảo vệ bằng một lớp bì, ngoài bì đóng dấu chữ “B” và chữ “C” tương ứng với độ mật của tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước bên trong;

- Việc giao tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải được quản lý bằng “Sổ chuyển giao bí mật nhà nước”.

3. Hỏi: *Việc nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được thực hiện như thế nào?*

Trả lời: Theo Khoản 2, Điều 4, Nghị định số 26/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 28/02/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, việc nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được thực hiện như sau:

- Sau khi nhận, tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải đăng ký vào “Sổ đăng ký bí mật nhà nước đến”;

- Trường hợp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước mà phong bì có dấu “Chỉ người có tên mới được bóc bì”, người nhận vào sổ theo ký hiệu ngoài bì, không được mở bì và phải chuyển ngay đến người có tên trên phong bì. Nếu người có tên trên phong bì đi vắng và trên phong bì có thêm dấu “Hỏa tốc” thì chuyển đến lãnh đạo cơ quan, tổ chức hoặc người được lãnh đạo cơ quan, tổ chức ủy quyền giải quyết;

- Trường hợp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được gửi đến mà không thực hiện đúng quy định bảo vệ bí mật nhà nước thì chuyển đến lãnh đạo cơ quan, tổ chức nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước hoặc người có tên trên phong bì (đối với trường hợp gửi đích danh) giải quyết, đồng thời phải thông báo nơi gửi biết để có biện pháp khắc phục. Nếu phát hiện tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước gửi đến có dấu hiệu bóc, mở bì hoặc bị tráo đổi, mất, hư hỏng thì người nhận phải báo cáo ngay người đứng đầu cơ quan, tổ chức để có biện pháp xử lý.

4. Hỏi: Mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ được quy định như thế nào?

Trả lời: Theo Điều 5, Nghị định số 26/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 28/02/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước có quy định việc mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ như sau:

- Người mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ phục vụ công tác trong nước, nước ngoài phải có văn bản xin phép người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước. Khi kết thúc nhiệm vụ phải báo cáo người có thẩm quyền cho phép mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ về việc quản lý, sử dụng bí mật nhà nước và nộp lại cơ quan, tổ chức.

- Văn bản xin phép mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ phục vụ công tác trong nước, nước ngoài phải nêu rõ họ, tên, chức vụ, đơn vị công tác; tên loại, trích yếu nội dung, độ mật của tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; mục đích sử dụng; thời gian, địa điểm công tác; biện pháp bảo vệ bí mật nhà nước.

- Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước mang ra khỏi nơi lưu giữ phải chứa, đựng, vận chuyển bằng phương tiện, thiết bị bảo đảm an toàn do người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước quy định và phải bảo vệ trong thời gian mang ra khỏi nơi lưu giữ./.